BỘ CÔNG AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 51/2019/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2019*

THÔNG TƯ

Quy định về khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động và bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động và bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong Công an nhân dân,

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động; điều tra tai nạn lao động và bồi thường, trợ cấp, chi phí y tế cho người lao động trong Công an nhân dân bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động bao gồm:

a) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật;

b) Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; sinh viên, học sinh Công an nhân dân hưởng sinh hoạt phí;

c) Công nhân công an; công dân đang trong thời gian tạm tuyển vào Công an nhân dân; người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; người thử việc, người học nghề, tập nghề để làm việc trong Công an nhân dân.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an; Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong Công an nhân dân (sau đây gọi chung là Công an đơn vị, địa phương).

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động và bồi thường, trợ cấp, chi phí y tế cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong Công an nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tai nạn lao động* là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động hoặc gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tai nạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, huấn luyện, học tập, công tác, lao động sản xuất, luyện tập thể dục, thể thao theo chế độ quy định;

b) Tai nạn tại nơi làm việc, trong giờ làm việc gắn liền với thực hiện công việc, nhiệm vụ hoặc trong thời gian ngừng việc giữa giờ để thực hiện các nhu cầu sinh hoạt cần thiết tại nơi làm việc hoặc trong giờ làm việc mà chế độ và nội quy của đơn vị cho phép, bao gồm: nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, làm vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho con bú, đi vệ sinh và một số công việc khác;

c) Tai nạn tại nơi làm việc hoặc ngoài nơi làm việc, trong giờ làm việc hoặc ngoài giờ làm việc, khi thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch công tác hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo đơn vị (công việc phải gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ được phân công); tai nạn trên đường đi công tác và trở về sau chuyến đi công tác;

d) Tai nạn trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc, trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý, cụ thể là:

- Khoảng thời gian hợp lý là khoảng thời gian cần thiết để người lao động đến cơ quan trước giờ làm việc hoặc trở về sau giờ làm việc theo quy định hoặc ngoài giờ làm việc theo kế hoạch công tác hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo đơn vị;

- Tuyến đường hợp lý là tuyến đường thường xuyên đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc.

2. *Bệnh nghề nghiệp* là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động tới người lao động theo danh mục các loại bệnh nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016.

3. *Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động* là hư hỏng của máy móc, thiết bị, vật tư, chất vượt quá giới hạn an toàn kỹ thuật cho phép, xảy ra trong quá trình lao động và gây thiệt hại hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho con người, tài sản và môi trường.

Điều 4. Phân loại tai nạn lao động trong Công an nhân dân

Tai nạn lao động trong Công an nhân dân được phân loại theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động (Nghị định số 39/2016/NĐ-CP), cụ thể:

1. Tai nạn lao động làm chết người là tai nạn lao động làm người lao động bị chết thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chết tại nơi xảy ra tai nạn;

b) Chết trên đường đi cấp cứu hoặc trong thời gian cấp cứu;

c) Chết trong thời gian điều trị hoặc chết do tái phát của vết thương do tai nạn lao động gây ra theo kết luận tại biên bản giám định pháp y;

d) Được tuyên bố chết theo kết luận của Tòa án đối với trường hợp mất tích.

2. Tai nạn lao động nặng là tai nạn lao động làm người lao động bị ít nhất một trong những chấn thương được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.

3. Tai nạn lao động nhẹ là tai nạn lao động không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 5. Biểu mẫu sử dụng trong điều tra tai nạn lao động và bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau đây để sử dụng trong điều tra tai nạn lao động và bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

1. Quyết định về việc thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động (Mẫu số 01);

2. Biên bản điều tra tai nạn lao động (Mẫu số 02);

3. Biên bản cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động (Mẫu số 03);

4. Quyết định bồi thường (hoặc trợ cấp) tai nạn lao động (Mẫu số 04);

5. Quyết định về việc bồi thường bệnh nghề nghiệp (Mẫu số 05).

Chương II
KHAI BÁO TAI NẠN LAO ĐỘNG, SỰ CỐ KỸ THUẬT GÂY MẤT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG, ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG

Điều 6. Khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động

1. Khi xảy ra tai nạn lao động hoặc khi xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, người lao động bị tai nạn lao động hoặc người biết sự việc phải báo cáo ngay cho lãnh đạo trực tiếp quản lý biết để kịp thời có biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả xảy ra và báo cáo lên cấp trên.

2. Khi nhận được tin báo xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động hoặc tai nạn lao động làm chết người hoặc tai nạn lao động nặng, đơn vị cấp phòng và tương đương (sau đây gọi chung là đơn vị cấp phòng); Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp huyện); doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị trực thuộc Bộ hoặc thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập) quản lý người lao động bị tai nạn lao động có trách nhiệm báo cáo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) và liền sau đó có báo cáo bằng văn bản tới lãnh đạo cấp cục hoặc lãnh đạo Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp tỉnh). Đối với trường hợp tai nạn lao động làm chết người thì đơn vị cấp phòng hoặc Công an cấp huyện hoặc doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập đồng thời phải báo cáo ngay tới Công an cấp huyện nơi xảy ra tai nạn lao động; đơn vị cấp cục hoặc Công an cấp tỉnh phải báo cáo nhanh nhất bằng văn bản về Bộ Công an (qua Cục Tổ chức cán bộ).

3. Đối với các vụ tai nạn lao động làm chết người, tai nạn lao động nặng xảy ra đối với người lao động đi công tác, học tập, làm việc ở nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Trong thời hạn 02 ngày làm việc từ khi nhận được tin báo tai nạn lao động, thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý người lao động phải báo cáo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) và liền sau đó có báo cáo bằng văn bản tới lãnh đạo cấp cục hoặc lãnh đạo Công an cấp tỉnh. Đơn vị cấp cục hoặc Công an cấp tỉnh báo cáo bằng cách nhanh nhất bằng văn bản về Bộ Công an (qua Cục Tổ chức cán bộ).

Điều 7. Thành lập đoàn điều tra tai nạn lao động

1. Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở

a) Thủ trưởng đơn vị cấp phòng hoặc Trưởng Công an cấp huyện, hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý người lao động bị tai nạn lao động phải thành lập ngay Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở để điều tra vụ tai nạn lao động nhẹ hoặc tai nạn lao động làm

bị thương nặng 01 người lao động hoặc tai nạn lao động bị thương nặng 01 người lao động và làm bị thương nhẹ một hoặc nhiều người lao động.

b) Thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động

Đại diện lãnh đạo đơn vị cấp phòng hoặc Công an cấp huyện hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập làm Trưởng đoàn; thành viên là cán bộ làm công tác chính sách của đơn vị có người lao động bị tai nạn, cán bộ làm công tác chính sách của đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có) và các thành viên khác do người có thẩm quyền quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động quyết định.

2. Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh

a) Thủ trưởng đơn vị cấp cục, Giám đốc Công an cấp tỉnh phải thành lập ngay Đoàn điều tra tai nạn lao động để điều tra vụ tai nạn lao động làm chết người hoặc làm từ 02 người lao động bị thương nặng trở lên thuộc đơn vị mình quản lý (bao gồm cả các vụ tai nạn xảy ra tại các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc điều tra lại các vụ tai nạn lao động do Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở đã điều tra nhưng có khiếu nại, tố cáo.

b) Thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động

Đại diện lãnh đạo đơn vị cấp cục hoặc đại diện lãnh đạo Công an cấp tỉnh làm Trưởng đoàn; các thành viên là đại diện lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ (hoặc phòng có chức năng thực hiện công tác tổ chức cán bộ); đại diện đơn vị trực tiếp quản lý người lao động; cán bộ làm công tác chính sách của đơn vị cấp cục, Công an cấp tỉnh; cán bộ làm công tác chính sách của đơn vị cấp cơ sở và các thành viên khác do người có thẩm quyền quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động quyết định.

3. Đoàn điều tra tai nạn lao động Bộ Công an

a) Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập ngay Đoàn điều tra tai nạn lao động Bộ Công an khi xét thấy tính chất nghiêm trọng, mức độ phức tạp của tai nạn lao động vượt quá khả năng xử lý của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh hoặc để điều tra lại các vụ tai nạn lao động đã được Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh tiến hành nhưng có khiếu nại, tố cáo.

b) Thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động

Đại diện lãnh đạo Cục Tổ chức cán bộ làm Trưởng đoàn và các thành viên là đại diện: Lãnh đạo Công an đơn vị, địa phương quản lý người lao động bị tai nạn lao động, đại diện Thanh tra Bộ Công an, Cục Y tế và các thành viên khác do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định theo đề xuất của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ.

4. Căn cứ tính chất, mức độ của vụ tai nạn lao động, người có thẩm quyền ra quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh hoặc Đoàn

điều tra tại nạn lao động Bộ Công an quyết định mời đại diện cơ quan Thanh tra an toàn, vệ sinh lao động phối hợp điều tra cho phù hợp.

5. Nhiệm vụ của Trưởng đoàn và thành viên Đoàn điều tra tai nạn lao động thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.

Điều 8. Quy trình, thủ tục, thời hạn điều tra tai nạn lao động

Đoàn điều tra tai nạn lao động các cấp thực hiện điều tra tai nạn lao động theo quy trình, thủ tục, thời hạn như sau:

1. Thu thập dấu vết, chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động.

2. Lấy lời khai của người bị tai nạn lao động, người biết việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn lao động.

3. Đề nghị giám định kỹ thuật, giám định pháp y (nếu xét thấy cần thiết).

4. Tổng hợp kết quả, đánh giá, phân tích, kết luận về diễn biến, nguyên nhân gây ra tai nạn lao động; kết luận về vụ tai nạn lao động; mức độ vi phạm và đề nghị hình thức xử lý đối với người có lỗi trong vụ tai nạn lao động; các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tai nạn lao động.

5. Lập Biên bản điều tra tai nạn lao động.

6. Tổ chức họp và lập Biên bản cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động. Thành phần cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động gồm:

a) Trưởng Đoàn điều tra tai nạn lao động;

b) Thành viên Đoàn điều tra tai nạn lao động;

c) Đại diện đơn vị trực tiếp quản lý người lao động;

d) Người lao động bị tai nạn hoặc đại diện thân nhân người lao động bị tai nạn;

đ) Mời đại diện cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân đã tham gia điều tra đối với trường hợp tai nạn lao động làm chết người.

Thành viên dự họp có ý kiến không thống nhất với nội dung Biên bản điều tra tai nạn lao động thì được ghi ý kiến và ký tên vào Biên bản cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động:

a) Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở gửi Biên bản điều tra tai nạn lao động, Biên bản cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động đến các thành viên trong Đoàn điều tra tai nạn lao động; cơ quan tổ chức cán bộ của đơn vị cấp cục, Công an cấp tỉnh quản lý người lao động bị tai nạn; người lao động hoặc đại diện thân nhân người lao động bị tai nạn;

b) Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh gửi Biên bản điều tra tai nạn lao động, Biên bản cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động đến

các thành viên trong Đoàn điều tra tai nạn lao động; Cục Tổ chức cán bộ; người bị tai nạn hoặc đại diện thân nhân người lao động bị tai nạn;

c) Đoàn điều tra tai nạn lao động Bộ Công an báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an kết quả điều tra vụ tai nạn lao động và gửi Biên bản điều tra tai nạn lao động, Biên bản cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động đến các cơ quan có thành viên trong Đoàn điều tra tai nạn lao động; người lao động hoặc đại diện thân nhân người lao động bị tai nạn.

8. Thời hạn điều tra tai nạn lao động được tính từ thời điểm nhận tin báo, khai báo tai nạn lao động đến khi công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động, cụ thể:

a) Không quá 04 ngày đối với tai nạn lao động nhẹ;

b) Không quá 07 ngày đối với tai nạn lao động làm bị thương nặng 01 người lao động;

c) Không quá 20 ngày đối với tai nạn lao động làm bị thương nặng từ 02 người lao động trở lên;

d) Không quá 30 ngày đối với tai nạn lao động làm chết người; không quá 60 ngày đối với tai nạn lao động cần giám định kỹ thuật hoặc giám định pháp y;

đ) Các vụ tai nạn lao động có dấu hiệu tội phạm do cơ quan điều tra tiến hành điều tra, nhưng sau đó ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, thì thời hạn điều tra tai nạn lao động được tính từ khi Đoàn điều tra tai nạn lao động nhận được đầy đủ tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn lao động. Thời hạn điều tra tai nạn lao động thực hiện tương tự như quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này;

e) Đối với tai nạn lao động được quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này có tình tiết phức tạp thì được gia hạn điều tra một lần, nhưng thời hạn gia hạn không vượt quá thời hạn quy định tại các điểm này. Thủ trưởng đơn vị ban hành Quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động có thẩm quyền quyết định gia hạn điều tra tai nạn lao động trên cơ sở đề nghị của Trưởng đoàn điều tra tai nạn lao động.

Điều 9. Điều tra lại tai nạn lao động khi có khiếu nại, tố cáo

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động nếu có khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo thì việc điều tra lại tai nạn lao động được thực hiện như sau:

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, đơn vị thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo không nhất trí với ý kiến trả lời của đơn vị có trách nhiệm giải quyết nêu tại khoản 1 Điều này mà vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo thì:

a) Thủ trưởng đơn vị cấp cục, Giám đốc Công an cấp tỉnh thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này để tiến hành điều tra lại tai nạn lao động do Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở tiến hành. Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn lao động cho Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh. Thời hạn điều tra thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 8 Thông tư này.

Kết thúc điều tra, Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản kết quả điều tra lại cho người khiếu nại hoặc người tố cáo biết; trường hợp không tiến hành điều tra lại thì phải nêu rõ lý do.

b) Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động Bộ Công an theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này để tiến hành điều tra lại tai nạn lao động do Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh tiến hành. Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn lao động cho Đoàn điều tra tai nạn lao động Bộ Công an. Thời hạn điều tra thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 8 Thông tư này.

Kết thúc điều tra, Đoàn điều tra tai nạn lao động Bộ Công an phải thông báo kết quả điều tra lại tai nạn lao động cho người khiếu nại hoặc người tố cáo biết. Trường hợp không tiến hành điều tra lại thì phải nêu rõ lý do.

Kết luận điều tra lại tai nạn lao động của Đoàn điều tra tai nạn lao động Bộ Công an là kết luận cuối cùng.

c) Biên bản điều tra tai nạn lao động trước hết hiệu lực pháp lý khi Biên bản điều tra lại tai nạn lao động được công bố.

Điều 10. Điều tra tai nạn lao động đối với người lao động đi công tác, học tập, làm việc ở nước ngoài

Người lao động bị tai nạn lao động trong thời gian đi công tác, học tập, làm việc ở nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì thủ trưởng đơn vị cấp cục hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh, nơi người lao động công tác, học tập trước khi ra nước ngoài xem xét lập Biên bản điều tra tai nạn lao động trên cơ sở tài liệu, hồ sơ có liên quan đến vụ tai nạn, gồm:

1. Quyết định cử người lao động đi công tác, học tập, làm việc ở nước ngoài của cấp có thẩm quyền.

2. Bản dịch có chứng thực và bản sao biên bản khám nghiệm hiện trường của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

3. Bản dịch và bản sao sơ đồ hiện trường của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; ảnh hiện trường; ảnh nạn nhân.

4. Bản dịch có chứng thực và bản sao Biên bản khám nghiệm tử thi hoặc khám nghiệm thương tích.

5. Bản dịch có chứng thực Biên bản lấy lời khai của nạn nhân, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có).

6. Bản dịch có chứng thực và bản sao giấy chứng nhận tai nạn của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

7. Bản dịch có chứng thực và bản sao giấy chứng thương, giấy ra viện (hoặc giấy tờ có liên quan đến việc điều trị) của cơ sở y tế nước ngoài.

8. Giấy chứng thương, giấy ra viện (hoặc giấy tờ có liên quan đến việc điều trị) của cơ sở y tế Việt Nam (nếu điều trị ở Việt Nam).

9. Báo cáo của đơn vị chức năng có liên quan của Bộ Công an (nếu có).

Điều 11. Điều tra tai nạn lao động làm bị thương người lao động chuyển thành tai nạn lao động làm chết người

Đối với vụ tai nạn lao động làm bị thương người lao động thuộc thẩm quyền điều tra của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở, nhưng sau đó người lao động bị chết trong thời gian điều trị hoặc do tái phát của chính vết thương do tai nạn lao động gây ra, thì Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở (hoặc Thủ trưởng đơn vị cấp phòng, Trưởng Công an cấp huyện quản lý người lao động bị tai nạn) phải báo cáo Thủ trưởng đơn vị cấp cục hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh để điều tra vụ tai nạn lao động; việc phối hợp điều tra vụ tai nạn lao động được thực hiện như sau:

1. Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ liên quan đến tai nạn lao động đang điều tra cho Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh.

2. Trường hợp chưa thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở hoặc đã thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở, nhưng chưa điều tra hoặc chưa hoàn thành việc điều tra, thì Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh tiếp tục điều tra theo quy trình, thủ tục điều tra tai nạn lao động quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 8 Thông tư này.

3. Trường hợp Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở đã hoàn thành điều tra vụ tai nạn lao động thì Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh tiến hành tiếp nhận, xem xét, đánh giá kết quả của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở; nếu thấy không thống nhất với kết quả điều tra của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở thì tiến hành điều tra lại và lập Biên bản điều tra tai nạn lao động theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 8 Thông tư này; nếu thống nhất thì có văn bản thống nhất với kết quả của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở.

Điều 12. Điều tra tai nạn giao thông liên quan đến lao động

Trường hợp người lao động bị tai nạn giao thông khi đang thực hiện nhiệm vụ hoặc khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc đi từ nơi làm việc về nơi

ở thì Đoàn điều tra tai nạn lao động theo thẩm quyền căn cứ vào một trong các văn bản, tài liệu sau đây để tiến hành xác minh, lập biên bản điều tra tai nạn lao động:

1. Hồ sơ giải quyết vụ tai nạn giao thông của cơ quan Cảnh sát giao thông.

2. Văn bản xác nhận bị tai nạn giao thông của Công an xã, phường, thị trấn hoặc của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi xảy ra tai nạn giao thông.

Điều 13. Phối hợp điều tra tai nạn lao động chết người và tai nạn lao động có dấu hiệu tội phạm

Việc phối hợp điều tra tai nạn lao động giữa Đoàn điều tra tai nạn lao động trong Công an nhân dân, cơ quan điều tra có thẩm quyền và Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp đối với các vụ tai nạn lao động chết người và tai nạn lao động có dấu hiệu tội phạm thực hiện tương tự như phối hợp giữa Đoàn điều tra tai nạn lao động, Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền và Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp quy định tại Điều 20 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.

Điều 14. Trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động

1. Kịp thời tổ chức sơ cứu, cấp cứu người bị nạn.

2. Khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Giữ nguyên hiện trường vụ tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp phải cấp cứu người bị nạn, ngăn chặn những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra cho người khác mà làm xáo trộn hiện trường thì phải có trách nhiệm vẽ lại sơ đồ hiện trường, lập biên bản, chụp ảnh, quay phim (nếu có thể);

b) Chỉ được xóa bỏ hiện trường và mai táng tử thi (nếu có) sau khi hoàn thành bước điều tra theo quy định của Thông tư này và được sự đồng ý của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh hoặc cơ quan cảnh sát điều tra có thẩm quyền.

4. Cung cấp tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn lao động theo yêu cầu của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp trên hoặc cơ quan điều tra có thẩm quyền.

5. Tạo điều kiện cho người lao động liên quan đến vụ tai nạn lao động cung cấp thông tin cho Đoàn điều tra tai nạn lao động hoặc cơ quan điều tra có thẩm quyền khi được yêu cầu.

6. Thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở để điều tra các vụ tại nạn lao động thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và thực hiện lưu trữ hồ sơ vụ tai nạn thuộc thẩm quyền điều tra theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

7. Thông báo đầy đủ thông tin liên quan về tai nạn lao động tới tất cả người lao động thuộc đơn vị.

8. Thanh toán hoặc báo cáo cơ quan tài chính có thẩm quyền thanh toán các khoản chi phí phục vụ cho việc điều tra tai nạn lao động kể cả việc điều tra lại các vụ tai nạn lao động theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

9. Thực hiện các biện pháp khắc phục và giải quyết hậu quả do tai nạn lao động gây ra; tổ chức rút kinh nghiệm; thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị ghi trong Biên bản điều tra tai nạn lao động; xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý người có lỗi để xảy ra tai nạn lao động.

Điều 15. Chi phí điều tra tai nạn lao động

1. Công an đơn vị, địa phương (các đơn vị dự toán) có người lao động bị tai nạn lao động chịu trách nhiệm chi trả các chi phí, bao gồm: Dựng lại hiện trường; chụp, in, phóng ảnh hiện trường, ảnh nạn nhân; trưng cầu giám định kỹ thuật, giám định pháp y; khám nghiệm tử thi; in ấn các tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động; phương tiện đi lại phục vụ quá trình điều tra tai nạn lao động; tổ chức cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động. Kinh phí trên được bố trí trong kinh phí chi hoạt động thường xuyên của Công an đơn vị, địa phương.

2. Chi phí điều tra tai nạn lao động quy định tại khoản 1 Điều này xảy ra đối với người lao động thuộc các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh hoặc chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp và là chi phí hợp lý để tính thuế, nộp thuế theo quy định.

3. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền điều tra tai nạn lao động, cơ quan cử cán bộ tham gia điều tra tai nạn lao động chi trả các khoản công tác phí cho thành viên tham gia Đoàn điều tra tai nạn lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Hồ sơ vụ tai nạn lao động và báo cáo, thống kê tình hình tai nạn lao động

1. Đơn vị chủ trì thực hiện điều tra tai nạn lao động có trách nhiệm lập hồ sơ vụ tai nạn lao động theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP và thực hiện lưu trữ hồ sơ vụ tai nạn lao động theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm báo cáo tình hình tai nạn lao động thuộc đơn vị, địa phương mình gửi về Cục Tổ chức cán bộ trước ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và trước ngày 25 tháng 01 năm sau đối với báo cáo 6 tháng cuối năm.

3. Cục Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của Công an đơn vị, địa phương, xây dựng báo cáo tình hình tai nạn lao động trong Công an nhân dân gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.

Chương III
BỒI THƯỜNG, TRỢ CẤP VÀ CHI PHÍ Y TẾ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Điều 17. Bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và trợ cấp tai nạn lao động

1. Bồi thường đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật An toàn, vệ sinh lao động, Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH).

2. Trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Luật An toàn, vệ sinh lao động, Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH.

3. Tiền lương làm căn cứ tính mức bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH, trong đó: Tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, học viên Công an nhân dân hưởng sinh hoạt phí là mức tiền lương cơ sở tại thời điểm xảy ra tai nạn lao động hoặc thời điểm xác định bị bệnh nghề nghiệp.

4. Người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sẽ thực hiện mức bồi thường, trợ cấp bằng mức bồi thường, trợ cấp tối thiểu quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH. Khuyến khích các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện bồi thường, trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ở mức cao hơn mức tối thiểu quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH.

Trường hợp, Công an đơn vị, địa phương đã mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động bị tai nạn lao động tại các đơn vị hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo hiểm, thì người bị tai nạn lao động được hưởng các khoản chi trả bồi thường, trợ cấp theo hợp đồng đã ký với đơn vị kinh doanh dịch vụ bảo hiểm. Nếu số tiền mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bảo hiểm trả cho người bị tai nạn lao động hoặc thân nhân người bị tai nạn lao động thấp hơn mức tối thiểu quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH thì Công an đơn vị, địa phương thực hiện chi trả phần còn thiếu để tổng số tiền người bị tai nạn lao động hoặc thân nhân của người bị tai nạn lao động nhận được ít nhất bằng mức bồi thường, trợ cấp tối thiểu quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH.

5. Người lao động hoặc thân nhân người lao động không được hưởng chế độ bồi thường nếu bị tai nạn lao động nhưng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

6. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trong thời gian nghỉ việc để điều trị, phục hồi chức năng lao động vẫn được hưởng đầy đủ các chế độ như khi đang công tác, học tập, làm việc và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

7. Người lao động được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh hoặc liệt sĩ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng thì không thực hiện chế độ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

8. Người lao động được bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này vẫn được hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc quy định tại Mục 3 Chương III Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Điều 18. Hồ sơ, thẩm quyền và thời hạn giải quyết bồi thường, trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Công an đơn vị, địa phương quản lý người lao động có trách nhiệm lập hồ sơ giải quyết bồi thường, trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH. Hồ sơ được lập làm 03 bộ, trong đó:

a) Công an đơn vị, địa phương giữ 01 bộ;

b) Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (hoặc thân nhân người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) giữ 01 bộ;

c) 01 bộ gửi Cục Tổ chức cán bộ để theo dõi.

2. Thẩm quyền giải quyết bồi thường, trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm giải quyết bồi thường, trợ cấp theo quy định tại Điều 17 Thông tư này cho người lao động thuộc đơn vị bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Đối với người lao động thuộc doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm giải quyết bồi thường, trợ cấp cho người lao động.

3. Quyết định bồi thường, trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải được ban hành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên bản giám định y khoa, hoặc kể từ ngày Đoàn điều tra tai nạn lao động tổ chức họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động (đối với các vụ tai nạn lao động làm chết người). Tiền bồi thường, trợ cấp

phải được thanh toán một lần cho người lao động hoặc thân nhân của họ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ra quyết định.

Điều 19. Chi phí bồi thường, trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Chi phí bồi thường, trợ cấp theo quy định tại Điều 17 Thông tư này cho người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước được bố trí trong kinh phí chi hoạt động thường xuyên của Công an đơn vị, địa phương.

2. Chi phí bồi thường, trợ cấp quy định tại Điều 17 Thông tư này cho người lao động thuộc doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (không hưởng lương từ ngân sách) được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh hoặc chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp và là chi phí hợp lý để tính thuế, nộp thuế theo quy định.

Điều 20. Chi phí y tế

1. Chi phí y tế từ sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định cho người lao động quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư này do Quỹ Bảo hiểm y tế chi trả.

2. Người lao động quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư này đã tham gia bảo hiểm y tế thì Công an đơn vị, địa phương phải thanh toán chi phí bảo hiểm y tế do người lao động đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả từ sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3. Người lao động quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư này chưa tham gia bảo hiểm y tế thì Công an đơn vị, địa phương phải thanh toán toàn bộ chi phí y tế từ sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

4. Chi phí để chi trả chi phí y tế quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này (trừ chi phí đã được Quỹ Bảo hiểm y tế chi trả) thực hiện như chi phí bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 12 năm 2019.

2. Các vụ tai nạn lao động xảy ra trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa tiến hành điều tra thì Công an đơn vị, địa phương thực hiện điều tra tai nạn lao động theo quy định tại Thông tư này.

3. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được bồi thường, trợ cấp thì thực hiện bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp tai nạn lao động và chi phí y tế theo quy định tại Thông tư này.

4. Các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác thì nội dung dẫn chiếu được điều chỉnh thực hiện theo văn bản mới.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm phổ biến, quán triệt đến người lao động và tổ chức thực hiện nghiêm túc Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc, Công an đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Tổ chức cán bộ) để nghiên cứu, hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công an;
- Công an tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, X01(P9).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm

Danh mục các chấn thương để xác định loại tai nạn lao động nặng

(Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016)

MÃ SỐ	TÊN CHẤN THƯƠNG
01	**Đầu, mặt, cổ**
011.	Các chấn thương sọ não hở hoặc kín
012.	Dập não
013.	Máu tụ trong sọ
014.	Vỡ sọ
015.	Bị lột da đầu
016.	Tổn thương đồng tử mắt
017.	Vỡ và dập các xương cuốn của sọ
018.	Vỡ các xương hàm mặt
019.	Tổn thương phần mềm rộng ở mặt
0110.	Bị thương vào cổ, tác hại đến thanh quản và thực quản
02	**Ngực, bụng**
021.	Tổn thương lồng ngực tác hại đến cơ quan bên trong
022.	Hội chứng chèn ép trung thất
023.	Dập lồng ngực hay lồng ngực bị ép nặng
024.	Gãy xương sườn
025.	Tổn thương phần mềm rộng ở bụng
026.	Bị thương và dập mạnh ở bụng tác hại tới các cơ quan bên trong
027.	Thủng, vỡ tạng trong ổ bụng
028.	Đụng, dập, ảnh hưởng tới vận động của xương sống
029.	Vỡ, trật xương sống
0210.	Vỡ xương chậu
0211.	Tổn thương xương chậu ảnh hưởng lớn tới vận động của thân và chi dưới
0212.	Tổn thương cơ quan sinh dục
03	**Phần chi trên**
031.	Tổn thương xương, thần kinh, mạch máu ảnh hưởng tới vận động của chi trên
032.	Tổn thương phần mềm rộng khắp ở các chi trên

033.	Tổn thương ở vai, cánh tay, bàn tay, cổ tay làm hại đến các gân
034.	Dập, gẫy, vỡ nát các xương đòn, bả vai, cánh tay, cẳng tay, cổ tay, bàn tay, đốt ngón tay
035.	Trật, trẹo các khớp xương
04	**Phần chi dưới**
041.	Chấn thương ở các chi dưới gây tổn thương mạch máu, thần kinh, xương ảnh hưởng tới vận động của các chi dưới
042.	Bị thương rộng khắp ở chi dưới
043.	Gẫy và dập xương hông, khớp hông, đùi, đầu gối, ống, cổ chân, bàn chân và các ngón
05	**Bỏng**
051.	Bỏng độ 3
052.	Bỏng do nhiệt rộng khắp độ 2, độ 3
053.	Bỏng nặng do hóa chất độ 2, độ 3
054.	Bỏng điện nặng
055.	Bị bỏng lạnh độ 3
056.	Bị bỏng lạnh rộng khắp độ 2, độ 3
06	**Nhiễm độc các chất sau ở mức độ nặng**
061.	Ô xít cácbon: bị ngất, mê sảng, rối loạn dinh dưỡng của da, sưng phổi, trạng thái trong người bàng hoàng, tâm lý mệt mỏi, uể oải, suy giảm trí nhớ, có những biến đổi rõ rệt trong bộ phận tuần hoàn
062.	Ô xít nitơ: hình thức sưng phổi hoàn toàn, biến chứng hoặc không biến chứng thành viêm phế quản
063.	Hydro sunfua: kích thích mạnh, trạng thái động kinh, có thể sưng phổi, mê sảng
064.	Ô xít các bon níc ở nồng độ cao: ngừng thở, sau đó thở chậm chạp, chảy máu ở mũi, miệng và ruột, suy nhược, ngất
065.	Nhiễm độc cấp các loại hóa chất bảo vệ thực vật
066.	Các loại hóa chất độc khác thuộc danh mục phải khai báo, đăng ký

Mẫu số 01: Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2019/TT-BCA

..... (1) .....(2)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-...	*...., ngày ..... tháng ..... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động

..... (3)

Căn cứ Thông tư số 51/2019/TT-BCA ngày 18/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động và bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong Công an nhân dân;

Xét đề nghị của ..... (4),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động gồm các đồng chí có tên dưới đây:

1. Đồng chí..... cấp bậc: ..... chức vụ:....., đơn vị..., Trưởng đoàn
2. Đồng chí..... cấp bậc: ..... chức vụ:..., đơn vị..., Phó Trưởng đoàn
3. Đồng chí..... cấp bậc: ..... chức vụ:....., đơn vị..., Thành viên
4.....

Điều 2. Đoàn điều tra tai nạn lao động có trách nhiệm tiến hành điều tra vụ tai nạn lao động xảy ra hồi ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm ... tại .....

Điều 3. Các đồng chí có tên ghi tại Điều 1, ... (4), thủ trưởng đơn vị (có người lao động bị tai nạn lao động) và các cá nhân có liên quan đến vụ tai nạn lao động chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận : - Như Điều 3; - ..... - Lưu:	(3) *(Ký, ghi rõ cấp bậc hàm, họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Đơn vị cấp trên trực tiếp của đơn vị quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động;

(2) Đơn vị quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động.

(3) Thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động.

(4) Thủ trưởng đơn vị đề xuất thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động (đối với đơn vị cấp phòng không tổ chức mô hình cấp đội và tương đương thì không thể hiện nội dung này trên quyết định).

- Đối với đơn vị thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động không có con dấu thì sử dụng con dấu của đơn vị cấp trên trực tiếp.

Mẫu số 02: Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2019/TT-BCA

ĐOÀN ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

BIÊN BẢN ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG

1. Thành phần đoàn điều tra (họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác của từng người):

.....

.....

.....

2. Tham dự điều tra (họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác của từng người):

.....

.....

.....

3. Sơ lược lý lịch những người bị nạn:

3.1. Họ tên: .....; Giới tính: .....Nam/Nữ;

- Ngày, tháng, năm sinh: .....
- Cấp bậc:.....; chức vụ:.....
- Đơn vị công tác: .....

3.2.....

4. Thông tin về vụ tai nạn:

- Ngày, giờ xảy ra tai nạn: Vào hồi ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm .....;
- Nơi xảy ra tai nạn: .....

5. Diễn biến của vụ tai nạn: .....

.....

.....

.....

6. Nguyên nhân gây ra tai nạn: (phải xác định rõ tai nạn lao động xảy ra do một trong các nguyên nhân sau: Lỗi của người sử dụng lao động; lỗi của người lao động; lỗi của cả người sử dụng lao động và người lao động; nguyên nhân khác không do lỗi của người sử dụng lao động và người lao động).

7. Kết luận về vụ tai nạn: (phải xác định rõ vụ tai nạn đó là một trong các trường hợp sau: Tai nạn lao động; tai nạn được hưởng trợ cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật An toàn, vệ sinh lao động; không phải là tai nạn lao động).

8. Kết luận về những người có lỗi, đề nghị hình thức xử lý: .....

9. Biện pháp ngăn ngừa tai nạn lao động tương tự hoặc tái diễn:.....

10. Tình trạng thương tích: Chết hoặc bị thương (ghi vị trí vết thương theo phụ lục danh mục các chấn thương): .....

11. Nơi điều trị và biện pháp xử lý ban đầu: .....

12. Thiệt hại do tai nạn lao động và chi phí đã thực hiện:

- Chi phí do Công an đơn vị, địa phương trả (nếu có):

Tổng số: ..... đồng, trong đó:

+ Chi phí y tế: ..... đồng;

+ Trả lương trong thời gian điều trị: ..... đồng;

+ Bồi thường hoặc trợ cấp: ..... đồng;

- Thiệt hại tài sản/thiết bị: ..... đồng.

CÁC THÀNH VIÊN KHÁC CỦA ĐOÀN ĐIỀU TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐIỀU TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03: Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2019/TT-BCA

ĐOÀN ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BIÊN BẢN CUỘC HỌP
CÔNG BỐ BIÊN BẢN ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG

Vào hồi … giờ … phút, ngày … tháng … năm …

Tại: .....

Đoàn điều tra tai nạn lao động ..... tiến hành cuộc họp tổ chức công bố biên bản điều tra tai nạn lao động.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP GỒM CÓ

1. Thành phần đoàn điều tra (họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác của từng người):

.....

2. Đại diện Công an đơn vị, địa phương có người lao động bị tai nạn lao động:

.....

3. Cơ quan chức năng (nếu có): .....

4. Người lao động bị tai nạn lao động hoặc thân nhân: .....

5. Đơn vị, cá nhân có liên quan: .....

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

.....

.....

.....

.....

.....

Cuộc họp kết thúc vào hồi … giờ …phút cùng ngày. Biên bản đã được đọc lại cho các thành phần dự họp nghe và cùng ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CÔNG AN ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**TRƯỞNG ĐOÀN ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))*
THÀNH VIÊN CỦA ĐOÀN ĐIỀU TRA *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**CÁN BỘ GHI BIÊN BẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN *(Ký, ghi rõ họ tên)*	

Mẫu số 04: Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2019/TT-BCA

BỘ CÔNG AN
……..(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-…

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bồi thường (hoặc trợ cấp) tai nạn lao động

…….…… (2)

Căn cứ Thông tư số 51/2019/TT-BCA ngày 18/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động và bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong Công an nhân dân;

Xét đề nghị của ……(3) ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng chí: …… (4) Sinh ngày: …/…/….

Cấp bậc:…….. Chức vụ:……(5)

Đơn vị công tác khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:……(6)

Bị tai nạn lao động ngày … tháng … năm ….

Mức suy giảm khả năng lao động: ……..

Từ trần ngày: ……/……/……. (7)

Được bồi thường (hoặc trợ cấp) do tai nạn lao động với số tiền: ….. đồng

(Số tiền bằng chữ: ……..)

Người đứng tên nhận bồi thường (hoặc trợ cấp): ……; quan hệ với người bị tai nạn lao động ……(7)

Nơi nhận bồi thường (hoặc trợ cấp): ……

Điều 2. Các đồng chí ……(3), (8) và đồng chí ……(4) (hoặc người đứng tên nhận chế độ) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 2;
- ……..
- Lưu: …….

(2)
(Ký, ghi rõ cấp bậc hàm, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Đơn vị có thẩm quyền quyết định bồi thường (hoặc trợ cấp);
(2) Thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền quyết định bồi thường (hoặc trợ cấp);
(3) Thủ trưởng cơ quan tổ chức cán bộ đề xuất giải quyết bồi thường (hoặc trợ cấp);
(4) Tên người lao động bị tai nạn lao động;
(5) Ghi cấp bậc, chức vụ tại thời điểm giải quyết bồi thường (hoặc trợ cấp);
(6) Ghi từ đơn vị cấp phường, đội trở lên;
(7) Chỉ thể hiện trong trường hợp người lao động chết do tai nạn lao động;
(8) Thủ trưởng cơ quan tài chính.

Mẫu số 05: Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2019/TT-BCA

BỘ CÔNG AN
……..(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-…

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bồi thường bệnh nghề nghiệp

…… (2)

Căn cứ Thông tư số 51/2019/TT-BCA ngày 18/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động và bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong Công an nhân dân;

Xét đề nghị của …… (3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng chí: …… (4) Sinh ngày: …/…/….

Cấp bậc:…….. Chức vụ:……(5)

Đơn vị công tác khi bị bệnh nghề nghiệp:…… (6)

Bị bệnh nghề nghiệp từ ngày … tháng … năm ….

Mức suy giảm khả năng lao động:……..

Từ trần ngày: ……/……/…. (7)

Được bồi thường bệnh nghề nghiệp với số tiền: …….. đồng

(Số tiền bằng chữ: ……..)

Người đứng tên nhận bồi thường: ……; quan hệ với người bị bệnh nghề nghiệp ……(7)

Nơi nhận bồi thường: ……..

Điều 2. Các đồng chí: …… (3), (8) và đồng chí ……(4) (hoặc người đứng tên nhận bồi thường) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 2;
- ……..
- Lưu: ……..

(2)
(Ký, ghi rõ cấp bậc hàm, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Đơn vị có thẩm quyền quyết định bồi thường;
(2) Thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền quyết định bồi thường;
(3) Thủ trưởng cơ quan tổ chức cán bộ đề xuất giải quyết bồi thường;
(4) Tên người lao động bị bệnh nghề nghiệp;
(5) Ghi cấp bậc, chức vụ tại thời điểm giải quyết bồi thường;
(6) Ghi từ đơn vị cấp phường, đội trở lên;
(7) Chỉ thể hiện trong trường hợp người lao động chết do bệnh nghề nghiệp;
(8) Thủ trưởng cơ quan tài chính.